CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Số: 12 /BC-BKS/2024/MFS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
KỲ BÁO CÁO: NĂM 2023 SAU KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone.

Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo kết quả giám sát, hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 với các nội dung chính như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Với nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, Ban kiểm soát đã tiến hành rà soát Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành lập xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2023 phù hợp với các chuẩn mực kế toán được chấp thuận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Sau đây là những số liệu chính trong Báo cáo tài chính năm 2023:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**249.659.596.860**	**272.909.403.700**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**32.426.017.578**	**22.990.170.133**
1. Tiền	111	32.426.017.578	22.990.170.133
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**107.773.748.314**	**128.284.455.741**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	107.773.748.314	128.284.455.741
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**107.553.310.061**	**118.330.778.867**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	92.926.002.133	81.975.331.515
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	304.106.482	211.453.870
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	14.657.213.056	36.478.005.092
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(334.011.610)	(334.011.610)

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2023	01/01/2023
IV. Hàng tồn kho	**140**	**319.873.398**	**1.897.899.938**
1. Hàng tồn kho	141	319.873.398	1.897.899.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**1.586.647.509**	**1.406.099.021**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.586.647.509	1.406.099.021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**6.907.936.322**	**8.273.483.670**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**3.064.263.724**	**3.092.630.539**
1. Phải thu dài hạn khác	216	3.064.263.724	3.092.630.539
II. Tài sản cố định	**220**	**2.739.420.076**	**4.083.504.700**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	2.739.420.076	4.083.504.700
- Nguyên giá	*222*	*268.216.910.437*	*268.216.910.437*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*	*(265.477.490.361)*	*(264.133.405.737)*
2. Tài sản cố định vô hình	*227*	-	-
- Nguyên giá	*228*	*1.019.000.000*	*1.019.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*	*(1.019.000.000)*	*(1.019.000.000)*
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**	**1.104.252.522**	**1.097.348.431**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.104.252.522	1.097.348.431
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**256.567.533.182**	**281.182.887.370**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**74.844.114.486**	**92.746.741.844**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**74.844.114.486**	**92.746.741.844**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22.516.552.782	28.347.232.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	269.284.001	55.282.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.696.670.055	4.349.863.267
4. Phải trả người lao động	314	23.392.411.720	31.449.321.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.658.978.253	18.373.272.126
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	36.344.868	36.344.868
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	7.412.294.114	4.704.465.960
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	4.861.578.693	5.430.958.773
II. Nợ dài hạn	**330**	-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**181.723.418.696**	**188.436.145.526**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**181.723.418.696**	**188.436.145.526**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	*70.629.790.000*	*70.629.790.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	81.836.222.502	81.836.222.502
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	29.257.406.194	35.970.133.024
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	*8.956.407.413*	*35.970.133.024*
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b	*20.300.998.781*	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**256.567.533.182**	**281.182.887.370**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**396.918.608.969**	**413.248.440.927**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**396.918.608.969**	**413.248.440.927**
4. Giá vốn hàng bán	11	365.173.206.775	375.432.942.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**	**31.745.402.194**	**37.815.498.003**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.196.767.147	5.838.374.143
7. Chi phí tài chính	22	38.376.235	664.789.075
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	183.829.249	724.134.012
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.352.493.941	15.000.541.092
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**	**25.367.469.916**	**27.264.407.967**
11. Thu nhập khác	31	69.781.878	98.933.438
12. Chi phí khác	32	37.796	319.106.096
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác	**40**	**69.744.082**	**(220.172.658)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**25.437.213.998**	**27.044.235.309**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.136.215.217	5.526.077.674
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**	**20.300.998.781**	**21.518.157.635**

B. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Thực hiện kế hoạch doanh thu của Công ty:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	KẾ HOẠCH 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ TH/KH 2023	TỶ LỆ 2023/ 2022
Tổng doanh thu	419.185.748.508	451.959.000.000	406.185.157.994	89,87%	96,90%
Giá vốn	375.432.942.924	-	365.173.206.775	-	97,27%
Chi phí quản lý	15.000.541.092	15.000.000.000	15.352.493.941	102,35%	102,35%
Lợi nhuận	21.518.157.635	22.000.000.000	20.300.998.781	92,28%	94,34%

2. **Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 theo số liệu công ty báo cáo như sau:**

TT	Các tỷ số / Ratios	Thực tế năm 2023	Thực tế năm 2022
I	**Tỷ suất lợi nhuận / Profitability ratios**		
1	Tỷ lệ lãi gộp / Gross profit margin - %	8,00%	9,15%
2	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu / Operating profit margin - %	6,39%	6,60%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu /Net profit margin - %	6,41%	6,54%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu / Return on shareholders' funds - %	16,68%	17,74%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản / Return on assets - %	9,91%	9,41%
II	**Hiệu quả sử dụng tài sản / Asset utility**		
1	Ngày thu tiền bình quân - ngày /Trade receivables turnover - days	85,45	72,40
2	Ngày thanh toán tiền bình quân - ngày /Trade payables turnover - days	22,51	27,56
3	Kỳ luân chuyển vốn lưu động bình quân /Net working capital turnover - days	160,76	159,13
III	**Khả năng thanh toán / Liquidity ratios**		
1	Khả năng thanh toán nhanh - lần /Current ratio - times	3,34	2,94
2	Khả năng thanh toán tức thì - lần /Acid test ratio - times	1,87	1,63

C. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, QUY ĐỊNH CỦA MOBIFONE, QUY ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty tuân thủ và chấp hành tốt các quy định bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

D. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỆ THỐNG VÀ TRUNG THỰC TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN, SỔ KẾ TOÁN, TRONG NỘI DUNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC PHỤ LỤC VÀ TÀI LIỆU LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY:

Trong năm 2023, Ban Lãnh đạo Công ty đã xây dựng, ban hành kịp thời các quyết định, quy định về vận hành sản xuất, kinh doanh phục vụ theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Qua hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát thông qua xem xét, đánh giá hồ sơ, báo cáo của Công ty Service cung cấp cho năm 2023, Ban Kiểm soát đánh giá: xét trên

khía cạnh trọng yếu những nội dung công ty đã cung cấp đã đảm bảo về tính hợp pháp, tính hệ thống, trung thực trong công tác kế toán, trong báo cáo tài chính.

E. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT. HĐQT đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định ban hành đúng trình tự và căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

F. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2023, Ban điều hành đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

- Hoàn thành 89,9% chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2023.
- Hoàn thành 92,3% chỉ tiêu Lợi nhuận năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.

G. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã xây dựng, ban hành kịp thời các quyết định, quy định về vận hành sản xuất, kinh doanh phục vụ theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung những quy chế, quy định đã ban hành cho phù hợp với từng thời kỳ.

H. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty MobiFone Service trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty MobiFone Service, cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của MobiFone Service;
- Kiểm tra công tác kế toán và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định, nghị quyết, quy chế, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc hoạt động quản lý và điều hành Công ty;
- Xem xét việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ đạo của MobiFone Service.
- Các vấn đề khác liên quan theo quy định tại Điều 40 – Điều lệ Công ty.

I. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Chi phí hoạt động của BKS sẽ được đưa ra ý kiến xin tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

STT	Loại chi phí	Thù lao năm 2023 (VNĐ)	Dự kiến thù lao năm 2024 (VNĐ)
1	Thù lao Trưởng Ban kiểm soát	10.000.000	60.000.000
2	Thù lao thành viên Ban kiểm soát	102.000.000	72.000.000
3	Công tác phí và chi phí khác		
	Tổng	112.000.000	132.000.000

K. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát kết luận và kiến nghị như sau:

- ✓ Công ty cần tập trung nghiên cứu các giải pháp để tự thực hiện các dịch vụ đo kiểm, số hóa việc hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ giá trị gia tăng.
- ✓ Hệ thống IPCC sử dụng đã lâu, công ty cần nghiên cứu đầu tư hệ thống mới nhiều tính năng để đáp ứng các nhu cầu của MobiFone và các đối tác khác.
- ✓ Công ty cần tăng cường mở rộng đầu tư các giải pháp hạ tầng mới, các sản phẩm dịch vụ theo chuỗi giá trị để góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận.
- ✓ Về các dự án đầu tư, phương án chi phí lớn, các phương án hợp tác kinh doanh lớn cần thực hiện kiểm toán độc lập để đảm bảo việc thực hiện, triển khai đúng quy định định và hiệu quả.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:
- Như trên;
- Lưu MFS.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Cao Thành Chung

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Đinh Trọng Nghĩa **Trần Thị Hằng**

TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
I. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông			
1	01/NQ-ĐHĐCĐ/2023/MFS	27/6/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
II. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông			
1	01/BBH-ĐHĐCĐ/2023/MFS	27/6/2023	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
III. Nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị			
1	01/QĐ/HĐQT	30/01/2023	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh
2	02/QĐ/HĐQT	31/01/2023	Bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh
3	03/QĐ/HĐQT	31/01/2023	Bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh
4	04/QĐ/HĐQT	16/02/2023	Bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh Dịch vụ Giá trị gia tăng
5	05/QĐ/HĐQT	16/02/2023	Phê duyệt định biên lao động khối Văn phòng năm 2023
6	06/QĐ/HĐQT	14/3/2023	Phê duyệt kế hoạch quỹ lương Công ty năm 2023
7	07/QĐ/HĐQT	06/4/2023	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
8	08/NQ/HĐQT	06/4/2023	Định hướng triển khai kế hoạch quý II năm 2023
9	09/QĐ/HĐQT	19/4/2023	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng
10	10/QĐ/HĐQT	24/4/2023	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
11	11/QĐ/HĐQT	26/4/2023	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
12	12/QĐ/HĐQT	15/5/2023	Bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng
13	13/QĐ/HĐQT	31/5/2023	Phê duyệt các tài liệu, biểu mẫu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
14	14/NQ/HĐQT	06/6/2023	Thống nhất các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
15	15/NQ/HĐQT	07/6/2023	Định hướng triển khai kế hoạch quý II và năm 2023
16	17/NQ/HĐQT	26/6/2023	Thống nhất đề cử thêm 02 ứng viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2023-2028)
17	18/NQ/HĐQT	27/6/2023	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
18	19/QĐ/HĐQT	10/7/2023	Phê duyệt trích Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng năm 2023
19	20/QĐ/HĐQT	11/7/2023	Phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm tài chính 2023
20	21/NQ/HĐQT	12/7/2023	Định hướng triển khai kế hoạch quý III và 6 tháng cuối năm 2023
21	22/NQ/HĐQT	09/10/2023	Định hướng triển khai kế hoạch quý IV năm 2023
22	23/QĐ/HĐQT	02/11/2023	Phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2022
23	24/QĐ/HĐQT	15/11/2023	Phê duyệt chủ trương thanh lý 05 trạm BTS không cho thuê, vật tư tài sản hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng tại TTMLMT và thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giúp việc Hội đồng thanh lý
24	25/NQ/HĐQT	07/12/2023	Xây dựng kế hoạch năm 2024
25	26/QĐ/HĐQT	14/12/2023	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ
26	27/QĐ/HĐQT	14/12/2023	Phê duyệt chủ trưởng bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc Công ty
27	28/QĐ/HĐQT	15/12/2023	Bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty
28	29/QĐ/HĐQT	28/12/2023	Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ
IV. Biên bản họp Hội đồng quản trị			
1	01/BBH-HĐQT/2023/MFS	06/4/2023	Sơ kết hoạt động SXKD quý I và định hướng triển khai kế hoạch quý II/2023
2	02/BBH-HĐQT/2023/MFS	07/6/2023	Đánh giá tình hình hoạt động SXKD 5 tháng đầu năm 2023 và rà soát công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
3	03/BBH-HĐQT/2023/MFS	27/6/2023	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
4	04/BBH-HĐQT/2023/MFS	12/7/2023	Sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm và định hướng triển khai kế hoạch quý III, 6 tháng cuối năm 2023
5	05/BBH-HĐQT/2023/MFS	09/10/2023	Sơ kết hoạt động SXKD quý III, 9 tháng đầu năm và định hướng triển khai kế hoạch quý IV năm 2023
6	06/BBH-HĐQT/2023/MFS	07/12/2023	Xây dựng kế hoạch năm 2024